

Đào tạo kế toán tại trường đại học: Những vấn đề đặt ra khi triển khai IFRS tại Việt Nam

 TS. Phan Thị Anh Đào*

Nhận. 05/4/2020

Biên tập. 12/4/2020

Duyệt đăng. 22/4/2020

Mới đây, Bộ Tài chính đã ban hành Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) tại Việt Nam. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung vào phân tích các yêu cầu đặt ra và khuyến nghị thay đổi đối với chương trình đào tạo kế toán tại các trường đại học trong bối cảnh thực hiện Đề án, với hai nội dung là đào tạo kiến thức chuyên môn kế toán và đào tạo kỹ năng.

Từ khóa: IFRS, chương trình đào tạo kế toán, thay đổi

Abstract

Currently, the project of applying IFRS in Vietnam has been officially declared. From an education perspective, universities with accounting program need to identify new requirements and quickly change for developing accounting professionals. This article mainly focuses on analyzing the requirements and recommendations to improve accounting curriculum at universities in the transition period from national Vietnam GAAP to IFRS, especially in training programs of professional and practicing accounting.

Key word: IFRS, accounting curriculum at universities.

1. Yêu cầu mới với chương trình đào tạo kế toán

Ngày 16/3/2020, Bộ Tài chính đã phê duyệt Đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam với mục tiêu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình nhằm bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư, môi trường kinh doanh, góp phần thúc đẩy hội nhập nền kinh tế Việt Nam.

Đề án gồm hai nội dung chính: (1) Xây dựng phương án, lộ trình hỗ trợ áp dụng IFRS tại Việt Nam cho từng nhóm đối tượng cụ thể; (2) Ban hành mới và tổ chức thực hiện hệ thống Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam (VFRS) theo nguyên tắc tiếp thu tối đa thông lệ quốc tế.

Đề án đã xác định các đối tượng doanh nghiệp (DN) Việt Nam sẽ áp dụng IFRS, VFRS và chế độ kế toán như sau: 1) Nhóm các DN có nhu cầu, có đủ khả năng và nguồn lực áp dụng IFRS, được xác định theo từng giai đoạn phù hợp với lộ trình được công bố; 2) Nhóm DN khác thuộc mọi thành phần, lĩnh vực kinh tế hoạt động tại Việt Nam áp dụng VFRS; 3) Các DN nhỏ và vừa, siêu nhỏ không có nhu cầu và điều kiện áp dụng IFRS và VFRS sử dụng chế độ kế toán riêng.

Ở trường đại học, chuẩn đầu ra của mỗi chương trình đào tạo là sự tuyển bổ, mô tả kiến thức, kỹ năng mà người học có được khi kết thúc

chương trình. Hầu hết các trường đại học Việt Nam đã tuyên bố chuẩn đầu ra của ngành đào tạo kế toán. Căn cứ vào chuẩn đầu ra, mỗi chương trình đào tạo được thiết kế về nội dung. Trước tình hình mới, khi áp dụng IFRS tại Việt Nam, các trường đại học cần rà soát lại chuẩn đầu ra và từ đó đặt ra các yêu cầu mới trong việc xây dựng, sửa đổi chương trình đào tạo để đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, chuyên môn và kỹ năng.

Chương trình đào tạo được xây dựng phải bao gồm các khối kiến thức đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết, thực tiễn. Ngoài các kiến thức bổ trợ cho kiến thức ngành, cần phải xây dựng chương trình đào tạo kế toán bao gồm các nội dung kế toán theo IFRS, VFRS và chế độ kế toán, để sinh viên sau khi tốt nghiệp làm việc trong các đối tượng DN nêu trên đều có thể đáp ứng được yêu cầu công việc (Hình 1, trang 21).

Bên cạnh đào tạo kiến thức chuyên môn thì với sự thay đổi khá liên tục của IFRS như hiện nay, đòi hỏi người làm công tác kế toán cần thường xuyên cập nhật, tự nghiên cứu các IFRS để vận dụng vào DN. Muốn vậy, chương trình đào tạo cần chú trọng phát triển khả năng tự nghiên cứu, khả năng dẫn dắt, chủ

* Khoa Kế toán - Học viện Ngân hàng

trì và làm việc nhóm; khả năng giải quyết vấn đề, khả năng phân biệt, khả năng thích nghi với môi trường công tác,... Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và nền công nghiệp 4.0, cần nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác.

2. Hiện trạng chương trình đào tạo ngành kế toán tại các trường đại học Việt Nam

2.1 Về đào tạo kiến thức chuyên môn kế toán theo IFRS và VAS

Thứ nhất, chương trình đào tạo ngành kế toán ở hầu hết các trường đại học Việt Nam hiện nay chưa đưa IFRS vào đào tạo một cách bài bản, do hai nguyên nhân chính: Một là, trong nhiều năm qua, các DN Việt Nam chủ yếu áp dụng chế độ kế toán; Hai là, các khả năng đề đáp ứng giảng dạy IFRS ở trường đại học vẫn còn khá thấp.

Qua khảo sát thực tế các trường cho thấy, trong các môn học về kế toán tài chính chủ yếu hướng dẫn vận dụng bảng chế độ kế toán để ghi nhận các giao dịch kinh tế phát sinh. IFRS mới được giảng dạy ở một số ít ỏi các trường và ở những mức độ khác nhau: một số trường đã lồng ghép nội dung IFRS trong các môn học kế toán tài chính cho chương trình chất lượng cao hay chương trình tiên tiến. Một số trường khác chỉ giới thiệu IFRS trong môn kế toán quốc tế, tuy nhiên với thời lượng của một môn học thì việc đưa IFRS để giới thiệu còn ở mức độ hết sức khái quát, mà chưa giải quyết căn bản các chủ đề giảng dạy.

Thứ hai, mức độ giảng dạy các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) tại các trường đại học còn có nhiều khác biệt. Một số ít trường đại học đã đưa VAS vào chương trình giảng dạy một cách kỹ lưỡng nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức vững chắc về các nguyên tắc kế toán, từ đó sinh viên có khả năng phân tích các giao dịch kinh tế để ghi nhận trên cơ sở các nguyên tắc kế toán. Bên cạnh đó thì vẫn còn khá nhiều trường đại học chỉ giới thiệu khái quát về VAS và chú trọng vào hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán trong ghi nhận giao dịch kinh tế, mà bỏ qua các nguyên tắc nền tảng để xử lý giao dịch. Điều này dẫn đến, sinh viên chỉ biết vận dụng một cách cứng nhắc các kỹ thuật ghi chép, mà không hiểu lý do. Cách giảng dạy kiểu này đã làm hạn chế rất nhiều khả năng nắm bắt bản chất giao dịch theo các nguyên tắc kế toán cũng như khả năng xét đoán nghề nghiệp, khả năng linh hoạt trong xử lý tình huống sau này của sinh viên.

Nhìn chung, chương trình đào tạo ngành kế toán tại các trường đại học hiện nay, về cơ bản là chưa chú trọng giảng dạy và đánh giá sinh viên trên cơ sở IFRS và VAS.

2.2 Về đào tạo kỹ năng và thái độ

Chuẩn đầu ra về kỹ năng ngành kế toán thường được các trường tuyên bố bao gồm kỹ năng nghề nghiệp như khả năng hoàn thành các công việc chuyên môn trong các hoàn cảnh khác nhau, khả năng thích ứng, khả năng tự học,... các kỹ năng bổ trợ như tự phát triển bản thân, kỹ năng quản lý, giao tiếp, sử

dụng ngoại ngữ, tin học,... Tuy nhiên bỏ về thái độ như: tuân thủ các tiêu chuẩn về đạo đức, trung thực, trách nhiệm, ý thức học hỏi và tự nghiên cứu để nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp,...

Tuy nhiên trên thực tế, đào tạo kỹ năng trong trường đại học vẫn còn nhiều hạn chế, một số lớn sinh viên tốt nghiệp nhưng còn yếu và thiếu các kỹ năng nêu trên. Khả năng thích ứng với công việc của sinh viên chưa cao, đặc biệt là trong các tình huống mới cần sự xét đoán nghề nghiệp. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều người chưa sáng tạo trong công việc cũng như chưa chủ động trong phát triển bản thân. Nhiều sinh viên ra trường chỉ đơn thuần làm kế toán trên góc độ truyền thống lập chứng từ, ghi chép sổ sách chứ không dám đương được vai trò của một kế toán chuyên nghiệp do thiếu kiến thức, thiếu tầm nhìn chiến lược và các kỹ năng thiết kế hệ thống, kỹ năng quản trị,... Năng lực tiếng Anh và tiếng Anh chuyên ngành kế toán của sinh viên còn khá thấp so với các nước trong khu vực và chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế hội nhập.

3. Một số khuyến nghị thay đổi chương trình đào tạo ngành kế toán khi áp dụng IFRS tại Việt Nam

3.1. Về đào tạo kiến thức chuyên môn kế toán

Chương trình đào tạo kế toán cần được xây dựng đáp ứng được yêu cầu về lượng kiến thức cần thiết ngành kế toán, trong đó chú trọng xây dựng các môn học chuyên ngành có nội dung bao quát IFRS, VFRS và chế độ kế toán. Do các DN nhỏ và siêu nhỏ ở Việt Nam khá lớn và tới đây, các đối tượng DN này vẫn áp dụng chế độ kế toán. Vì vậy, nội dung đào tạo chế độ kế toán là cần thiết. Tuy nhiên, không nên giảng dạy các kỹ thuật hạch toán quá chi tiết như hiện nay, thay vào

Hình 1



đó nội dung IFRS và VFRS cần được đưa vào chương trình đào tạo và giảng dạy.

Theo chúng tôi, không nên đưa IFRS vào giảng dạy trong môn học kế toán quốc tế hay môn chuẩn mực kế toán như hiện nay tại một số trường đại học. Các nội dung IFRS nên được lồng ghép vào các môn kế toán tài chính một cách phù hợp, bên cạnh các VFRS và chế độ kế toán. Việc thiết kế nội dung môn kế toán tài chính tùy thuộc vào quan điểm và sự lựa chọn của các trường, tuy nhiên nên lựa chọn các nội dung từ đơn giản đến phức tạp và các môn học này cần có tính liên thông kiến thức từ bậc đại học đến sau đại học.

Trong phạm vi đào tạo ở bậc đại học với số tín chỉ hữu hạn, chỉ nên lựa chọn các chuẩn mực IFRS và VFRS quy định về các nội dung phổ biến nhất cho số đông các DN Việt Nam hiện nay và kiến thức phân bổ từ đơn giản đến phức tạp. Môn kế toán tài chính bậc sau đại học sẽ mở rộng dần cho các tình huống phức tạp và ít phổ biến hơn.

Chẳng hạn, môn kế toán tài chính I sẽ gồm các nội dung tương đối đơn giản và sẽ phức tạp dần cho các môn kế toán tài chính 2, 3... ở bậc đại học. Mỗi nội dung giảng dạy đều gắn với các IFRS/ VFRS và chế độ kế toán. Ví dụ, môn kế toán tài chính I gồm các nội dung như hàng tồn kho, tài sản cố định, bất động sản đầu tư... Khi giảng về kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, bất động sản đầu tư... cần giảng dạy các nguyên tắc kế toán theo IFRS, tiếp theo là nguyên tắc kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, bất động sản đầu tư... theo VFRS, từ đó xác định những khác biệt như xử lý và ghi nhận kế toán theo hai hệ thống chuẩn mực. Bên cạnh đó, giảng viên hướng dẫn khái quát cách hạch toán theo chế độ kế toán (nhưng không chi tiết như hiện nay) Như vậy, mỗi vấn đề nêu ra sinh viên đều có thể nắm bắt nguyên

tắc hạch toán cơ bản theo cả IFRS, VFRS cũng như theo quy định của chế độ kế toán.

Để thực hiện điều này, về chương trình đào tạo cần có sự thay đổi về các môn học theo hướng gia tăng thêm số tín chỉ cho môn kế toán tài chính và rút bớt một số môn khác. Chẳng hạn, một số môn kế toán đặc thù trong một ngành kinh tế như hiện nay tại một số trường nên có sự thay đổi, bởi đào tạo đại học không cần thiết đi sâu vào từng nghiệp vụ cụ thể, mà phải trang bị kiến thức nền tảng chung để giúp sinh viên có khả năng xử lý các nghiệp vụ kinh tế trong tất cả các ngành nghề.

Trung bình hiện nay, chương trình đào tạo tại các trường đại học chỉ gồm 3 đến 4 môn kế toán tài chính. Trong khi đó, một số trường thiết kế riêng các môn học như kế toán xây lắp, kế toán DN thương mại, kế toán nông nghiệp... Chúng tôi cho rằng, không nên để môn kế toán riêng cho các ngành như vậy, mà nên gộp thành từng chủ đề riêng trong môn kế toán tài chính, vì tới đây, môn kế toán tài chính chứa đựng nhiều nội dung về IFRS, VFRS và chế độ kế toán. Chẳng hạn, môn kế toán tài chính có giảng dạy về chuẩn mực hợp đồng xây dựng theo IFRS và VFRS và hướng dẫn DN xây lắp theo chế độ Việt Nam. Tương tự, kế toán tài chính có nội dung về chuẩn mực nông nghiệp theo IFRS và có thể bổ sung ghi chép theo chế độ kế toán Việt Nam cho DN nông nghiệp...

Các trường cũng có thể cần nhắc các nội dung trong từng môn học một cách hợp lý và thiết kế các môn học bắt buộc hay tự chọn tạo sự linh hoạt cho chương trình đào tạo. Đối với một số chương trình đặc thù có thể nghiên cứu chương trình đào tạo của các tổ chức nghề nghiệp quốc tế trong lĩnh vực kế toán như ICAEW, ACCA, CPA Australia... để lồng ghép các môn học của các

tổ chức nghề nghiệp vào chương trình đào tạo kế toán của các trường đại học như một số trường hiện nay đã triển khai.

3.2. Về đào tạo kỹ năng, thái độ

Các trường đại học cần thay đổi về tư duy giáo dục chuyển từ nền giáo dục chủ yếu trang bị kiến thức chuyên môn làm mục tiêu sang một nền giáo dục trang bị kiến thức chuyên môn ruột cách căn bản và chú trọng dạy người học về phương pháp, kỹ năng, cách tự học, dạy cách sử dụng, khai thác các nguồn tài liệu, các thiết bị hiện đại, ... với mục đích người được đào tạo có khả năng thích ứng nhanh với hoàn cảnh, có khả năng sáng tạo, khả năng học tập suốt đời.

Chuyển sang đào tạo IFRS, VFRS với một khối lượng kiến thức khá lớn so với hiện nay, nhà trường cần chú trọng rèn cho sinh viên kỹ năng tự nghiên cứu tài liệu và phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, kỹ năng phát hiện vấn đề và giải quyết các tình huống phát sinh... Từ đó, sinh viên sẽ luôn chủ động, hình thành thói quen tìm kiếm và thu nạp các kiến thức mới.

Nhằm giúp sinh viên sớm tiếp cận với môi trường thực tế, nhà trường cần tăng cường kết nối với DN để sinh viên được trải nghiệm công việc thực tế trong quá trình đào tạo, mở rộng mạng lưới chuyên gia và xây dựng các môn học chuyên ngành có nội dung đào tạo bởi chuyên gia, đặc biệt là các DN lớn đã có kinh nghiệm áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính.

Áp dụng IFRS đòi hỏi kế toán viên hiểu rõ các nguyên tắc hạch toán và đưa ra các xét đoán nghề nghiệp, vì vậy, đào tạo IFRS trong nhà trường cần khơi gợi và tạo ra nhiều tình huống nghiên cứu cho sinh viên phát triển khả năng xét đoán. Từ đó, trước các tình huống mới, họ sẽ biết cách ứng phó một cách chủ động và tích cực.

Sử dụng thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong đánh giá khả năng sinh lợi của doanh nghiệp niêm yết trên HOSE

 TS. Nguyễn Thanh Hiếu*

Nhận: 05/4/2020

Biên tập: 12/4/2020

Duyệt đăng: 22/4/2020

Bài viết này sử dụng thông tin dòng tiền thu vào và thông tin dòng tiền chi ra cho các hoạt động được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) để xem xét ảnh hưởng của những thông tin này tới khả năng sinh lợi (ROA, ROE). Kết quả nghiên cứu cho thấy, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền chi ra cho hoạt động tài chính có ảnh hưởng tới ROA và ROE của khoảng 70% các ngành nghề kinh doanh, dòng tiền từ hoạt động đầu tư ảnh hưởng tới ROA, ROE của khoảng 30% các ngành nghề kinh doanh. Đồng thời, các ảnh hưởng này đều là ảnh hưởng cùng chiều.

Từ khóa: dòng tiền, đầu tư, kinh doanh, lợi nhuận, ngành nghề.

Nghề kế toán đòi hỏi kế toán viên tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp nên nhà trường cần đưa nội dung này vào đào tạo. Nếu như chưa thể xây dựng thành một môn học trong chương trình đào tạo như ở một số trường đại học nước ngoài thì ít nhất đạo đức nghề nghiệp phải là một chương trong môn học về kế toán hay kiểm toán. Bên cạnh đó, nhà trường cần bổ sung nội dung này trong các chương trình ngoại khóa cho sinh viên chuyên ngành kế toán. Kế toán viên chuyên nghiệp, các kế toán viên làm việc trong các DN lớn áp dụng IFRS thì yêu cầu về kỹ năng tiếng Anh và Tin học cũng cao. Do vậy, đồng thời với việc đào tạo kiến thức chuyên môn nghề nghiệp theo IFRS thì nhà trường cần nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh và Tin học. Có thể đưa vào chương trình đào tạo một số môn chuyên ngành tự chọn giảng dạy bằng tiếng Anh. ■

Tài liệu tham khảo

- [1] Sandy R. Hilton and Nathalie Johnstone (2013) *The IFRS Transition and Accounting Education: A Canadian Perspective Post-Transition*
- [2] Stephanie Wehrung (2011) *The Effect of IFRS Convergence on Coastal Carolina University Accounting Major Students.*
- [3] Miller, William and D'Arcy Becker (2010) *Why are Accounting Professors Hesitant to Implement IFRS?*
- [4] Kroll, Karen (2009) *Is it U.S. GAAP or IFRS At U.S. Universities.*
- [5] Gornik-Tomaszewski, Sylwia, and Steve Showerman (2010) *IFRS in the United States: Challenges and Opportunities*
- [6] R K Larson and D.L.Street (2011) *IFRS Teaching Resources: Available and Rapidly Growing.*
- [7] Nguyễn Hữu Ánh (2017) *Đôi mắt đào tạo cử nhân ngành kế toán của các trường đại học khối kinh tế ở Việt Nam theo chuẩn quốc tế*
- [8] Bộ Tài chính (2017) *Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam*
- [9] Nguyễn Công Phương (2017) *Thách thức và giải pháp trong đào tạo kế toán tại Việt Nam áp dụng IFRS.*

1. Giới thiệu

Dòng tiền đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp (DN), được ví như dòng máu trong cơ thể con người. Các DN khi có tiền sẽ mua máy móc thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô, nhà máy và sản xuất sản phẩm chất lượng tốt, đẩy nhanh tiến độ và thu lợi nhuận cao. Khi DN thiếu tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn, DN đi tới mất khả năng thanh toán và phá sản. Chính vì lẽ đó, chế độ kế toán DN yêu cầu trong hệ thống báo cáo tài chính, DN phải trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ bên cạnh bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh. Ba báo cáo này hợp thành một bộ báo cáo tài chính để phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của DN.

Mặc dù về lý thuyết, tầm quan trọng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ

đã được đề cập rất nhiều, nhưng vẫn cần các nghiên cứu thực nghiệm để cung cấp các minh chứng về vai trò thực sự của thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Điều này đã thu hút được đông đảo các nhà nghiên cứu. Các nghiên cứu chủ yếu xoay quanh hướng sử dụng thông tin kế toán để dự báo dòng tiền tương lai (Nguyễn Thanh Hiếu, 2016), hoàn thiện nội dung và phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, ... Các nghiên cứu về ảnh hưởng của dòng tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ tới khả năng sinh lợi của DN mới xuất hiện trong những năm gần đây, nhưng các tác giả nghiên cứu chưa thống nhất được chiều tác động là cùng chiều hay ngược chiều. Đồng thời, các nghiên cứu mới chỉ bàn tới một loại hình DN cụ thể, mà chưa có một nghiên cứu mang tính tổng hợp cho nhiều ngành trong nền kinh tế. Do vậy, nghiên cứu này đã tiến

* *Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân*